

Số: 166 /QĐ-VNLNT

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ
của Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1298/QĐ-BKHCN ngày 20/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 44/1999/QĐ-TTg ngày 10/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ cho Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo hạt nhân.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 436/QĐ-VNLNT ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam.



Điều 3. Giám đốc Trung tâm Đào tạo hạt nhân, Trưởng các tiểu ban chuyên môn, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Lưu: VT, NTC.



VIỆN TRƯỞNG



Trần Chí Thành



QUY CHẾ

TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CỦA VIỆN NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VNLNT ngày tháng năm 2022
của Viện trưởng Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam)

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam (sau đây gọi tắt là Viện) xây dựng Quy chế này quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (sau đây gọi là Quy chế) bao gồm: tuyển sinh, chương trình đào tạo, tổ chức và quản lý đào tạo, luận án và đánh giá luận án, công nhận học vị và cấp bằng, nghĩa vụ và quyền lợi của giảng viên và nghiên cứu sinh, thanh tra, kiểm tra, giải quyết và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với Viện, các đơn vị thuộc và trực thuộc Viện, các Trường tiểu ban chuyên môn, nghiên cứu sinh, các Phòng, Ban, Hội đồng, các hoạt động liên quan đến việc đào tạo trình độ tiến sĩ được tổ chức tại các đơn vị của Viện và cá nhân có liên quan.

3. Quy chế này không áp dụng đối với các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ giữa Viện với các cơ sở đào tạo của nước ngoài do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng và các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ giữa Viện với các cơ sở đào tạo của nước ngoài do hai bên cùng cấp bằng.

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Viện ủy quyền cho Trung tâm Đào tạo hạt nhân tổ chức xây dựng khung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Căn cứ kết luận của Hội đồng thẩm định các Khung chương trình đào tạo, Hội đồng Khoa học, Công nghệ và Đào tạo của Viện cho ý kiến, Trung tâm Đào tạo hạt nhân kiến nghị Viện trưởng ra quyết định ban hành các khung chương trình này. Nội dung, đối tượng tuyển sinh, chuẩn đầu vào và đầu ra, và các học phần được quy định trong khung chương trình của từng mã ngành mà Viện được cấp phép đào tạo. Chương trình đào tạo đáp ứng các điều kiện sau:



a. **Khối lượng học tập** tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học;

b. **Chuẩn đầu ra** của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm các yêu cầu về kiến thức chuyên môn; năng lực nghiên cứu, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng hỗ trợ, và các yêu cầu khác ở mức đạt trở lên được quy định cụ thể trong từng khung chương trình đào tạo cho từng mã ngành đào tạo trình độ tiến sĩ do Viện quy định.

c. **Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo tiến sĩ:** Người học phải tốt nghiệp thạc sĩ, hoặc tốt nghiệp chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp hạng giỏi trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên); có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu.

2. Cấu trúc chương trình đào tạo bao gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ, nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ, trong đó tối thiểu 80% chương trình dành cho nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

a. **Các học phần bổ sung** nhằm giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn thực hiện đề tài nghiên cứu:

+ Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ: căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, người hướng dẫn phối hợp cùng Trường tiểu ban chuyên môn xác định khối lượng tín chỉ và các học phần mà nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung; Các học phần bổ sung được quy định trong khung chương trình đào tạo tiến sĩ của từng chuyên ngành;

+ Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành) tương ứng, trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn; có khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo nghiên cứu sinh đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

b. Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó:

+ Nghiên cứu sinh cần tích lũy tối đa 16 tín chỉ từ các môn học bắt buộc và tự chọn của các học phần trình độ tiến sĩ và các học phần bổ sung;

+ *Tiểu luận tổng quan* yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

+ *Các chuyên đề tiến sĩ* yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ.

3. **Nghiên cứu khoa học** là thành phần chính yếu và bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, tuy nhiên không tính số tín chỉ.

a. Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ. Đây là cơ sở quan trọng nhất để nghiên cứu sinh viết luận án tiến sĩ;

b. Nội dung, quy mô nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Tùy theo tính chất của đề tài nghiên cứu mà cơ sở đào tạo, người hướng dẫn có thể hỗ trợ đầu tư đủ kinh phí và cơ sở vật chất thí nghiệm, đội ngũ để nghiên cứu sinh tiến hành xong các nghiên cứu cần thiết. Nghiên cứu sinh phải đảm bảo về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế;

c. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. **Luận án tiến sĩ** là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới vào lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

Điều 3. Thời gian và hình thức đào tạo

1. Thời gian đào tạo chuẩn của trình độ tiến sĩ từ 03 năm (36 tháng) đối với ứng viên tốt nghiệp thạc sĩ đến 04 năm (48 tháng) đối với ứng viên tốt

nghiệp đại học do cơ sở đào tạo quyết định trên cơ sở kết luận của Hội đồng tuyển sinh đánh giá hồ sơ dự tuyển của nghiên cứu sinh, bảo đảm phần lớn nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian này; mỗi nghiên cứu sinh có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa (theo mẫu tại PHỤ LỤC I.1) nằm trong khung thời gian đào tạo chuẩn được phê duyệt kèm theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

2. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho bảo vệ cấp Cơ sở, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

3. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại Viện theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

Chương II. TUYỂN SINH

Điều 4. Phương thức và thời gian tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển, bảo đảm đánh giá minh bạch, công bằng, khách quan và trung thực về kiến thức, năng lực của người dự tuyển. Viện tổ chức tuyển sinh theo hình thức trực tuyến khi đáp ứng những điều kiện đảm bảo chất lượng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

2. Số lần tuyển sinh trong năm: 01 lần hoặc nhiều lần.

3. Căn cứ theo nhu cầu và chỉ tiêu hàng năm, Viện ủy quyền Trung tâm Đào tạo hạt nhân xây dựng đề án tuyển sinh (theo mẫu tại PHỤ LỤC II.1), đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về phương thức tuyển sinh, thời gian tổ chức tuyển sinh, các điều kiện đảm bảo chất lượng và những thông tin cần thiết khác. Đề án tuyển sinh phải được công bố công khai trên website của Viện, của Trung tâm Đào tạo hạt nhân ít nhất 30 ngày làm việc trước khi tổ chức tuyển sinh.

Điều 5. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a. Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương Bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ. Nếu người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (không thuộc diện đi học nước ngoài theo hiệp định giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với cơ sở đào tạo nước ngoài) phải nộp giấy công nhận văn bằng đại học, thạc sĩ do Cục khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp;

b. Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên, là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d. Có dự thảo đề cương nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lí do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, kế hoạch (tiến độ) thực hiện luận án trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của người dự tuyển trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến/mong muốn việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c. Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại PHỤ LỤC III của Quy chế này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

Người dự tuyển đáp ứng quy định tại Điểm a Khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại Điểm b Khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có chứng chỉ tiếng nước ngoài khác (quy định tại PHỤ LỤC III) theo quy định Điểm c Khoản này phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng kí theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ quy định trong PHỤ LỤC III, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 6. Hồ sơ dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

- a. Đơn xin dự tuyển (theo mẫu quy định của Viện).
- b. Lý lịch khoa học (theo mẫu quy định của Viện);
- c. Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực;
- d. Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học quy định và thâm niên công tác (nếu có);
- e. Dự thảo đề cương nghiên cứu (theo mẫu quy định của Viện);
- f. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu;
- g. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);
- h. Lý lịch khoa học và thư đồng ý hướng dẫn của cán bộ khoa học đồng ý hướng dẫn luận án tiến sĩ cho người dự tuyển;

người hướng dẫn chứng minh năng lực đáp ứng yêu cầu của người hướng dẫn nghiên cứu sinh quy định tại Điều 15 Quy chế này;

i. Bản sao các bài báo khoa học đã công bố (bao gồm trang bìa, trang mục lục và toàn văn công trình);

k. Giấy chứng nhận đủ sức khoẻ để học tập của một cơ sở y tế được phép cấp *Giấy chứng nhận sức khỏe* (có thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Điều 7. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh

1. Chỉ tiêu tuyển sinh tiến sĩ được xác định theo chuyên ngành đào tạo đối với Viện dựa trên quy định chỉ tiêu tuyển sinh tại Điều 11 Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh tiến sĩ tối đa của cơ sở đào tạo được xác định theo từng ngành đào tạo, được tính bằng quy mô đào tạo tiến sĩ tối đa theo năng lực đào tạo của ngành đào tạo đó, đáp ứng đồng thời các tiêu chí quy định tại khoản 03 Điều này trừ đi quy mô đào tạo tiến sĩ hiện tại cộng thêm với số nghiên cứu sinh dự kiến sẽ tốt nghiệp trong năm tuyển sinh của ngành đào tạo đó.

3. Tiêu chí xác định chỉ tiêu nghiên cứu sinh tối đa trên được tính như sau:

a. Tiêu chí số nghiên cứu sinh tối đa trên 01 giảng viên toàn thời gian (cơ hữu) và 01 giảng viên thỉnh giảng theo trình độ, chức danh và phù hợp về chuyên môn để tính chỉ tiêu tuyển sinh tối đa của cơ sở đào tạo, được quy định tại khoản 3a Điều 11 Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022 như sau:

Chỉ tiêu	Giảng viên theo trình độ/chức danh, phù hợp về chuyên môn của Viện		
	GS	PGS/TSKH	TS
Chỉ tiêu nghiên cứu sinh tối đa trên 01 giảng viên toàn thời gian	7	5	3
Chỉ tiêu nghiên cứu sinh tối đa trên 01 giảng viên thỉnh giảng	2	1,5	1

b. Tiêu chí cơ sở vật chất và thiết bị: đảm bảo đủ cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị thực hành, thư viện, giảng đường, phòng làm việc

giảng viên, người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và học viên phù hợp với yêu cầu của ngành, chuyên ngành và loại chương trình đào tạo;

c. Tiêu chí nhu cầu lao động của thị trường, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội: Viện xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm căn cứ nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu phát triển của ngành.

Điều 8. Thông báo tuyển sinh

Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Viện và của Trung tâm Đào tạo hạt nhân trước khi tổ chức xét tuyển ít nhất 30 ngày, trong đó nêu rõ:

1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển.
2. Ngành tuyển sinh và yêu cầu chuyên môn phù hợp.
3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành đào tạo được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.
4. Hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này, và thời gian nhận hồ sơ, lệ phí dự tuyển.
5. Kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học.
6. Học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có).

Điều 9. Hội đồng tuyển sinh

1. Viện trưởng Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh.

Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các ủy viên.

a. Chủ tịch: Viện trưởng hoặc Phó viện trưởng được Viện trưởng ủy quyền;

b. Ủy viên thường trực: Giám đốc hoặc Phó giám đốc Trung tâm Đào tạo hạt nhân;

c. Các ủy viên: Trưởng phòng Đào tạo, Nghiên cứu và Triển khai (ủy viên thư ký), các Trưởng tiểu ban chuyên môn của chuyên ngành có người đăng ký dự tuyển và các cán bộ liên quan;

Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh:

- a. Thông báo tuyển sinh;
- b. Tiếp nhận hồ sơ dự tuyển;
- c. Tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển;
- d. Tổng kết công tác tuyển sinh;
- e. Báo cáo kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo;

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

- a. Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh;
- b. Quyết định và chịu trách nhiệm trước Ban lãnh đạo Viện toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định tại Chương II của Quy chế này, và lựa chọn người hướng dẫn nghiên cứu sinh đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 15 của Quy chế này;

c. Đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được người dự tuyển có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của Viện;

4. Giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh gồm Ban Thư ký và các Tiểu ban chuyên môn.

Điều 10. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

1. Ban thư ký thu nhận hồ sơ, kiểm tra tính xác thực của hồ sơ, gửi thẩm định các văn bằng, chứng chỉ, chuyển hồ sơ tới tiểu ban chuyên môn, và chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho hội đồng tuyển sinh.

2. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh tiến hành họp để đánh giá phân loại người dự tuyển thông qua hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ người dự tuyển trong thư giới thiệu. Kết quả đánh giá được chuyển tới Ban Thư ký để tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh. Chi tiết xét tuyển tại tiểu ban chuyên môn được mô tả tại PHỤ LỤC IV của Quy chế này.

3. Hội đồng tuyển sinh họp xét danh sách người dự tuyển trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được duyệt cho từng chuyên ngành đào tạo quy định tại Điều 7 của Quy chế này và kết quả xếp loại các thí sinh, trình lãnh đạo Viện ban hành quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

4. Hội đồng tuyển sinh đồng thời xem xét và công nhận người hướng dẫn khoa học của nghiên cứu sinh căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ của người hướng dẫn khoa học do Tiểu ban chuyên môn thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Quy chế này.

Điều 11. Công nhận nghiên cứu sinh

1. Viện ban hành quyết định công nhận nghiên cứu sinh với đầy đủ thông tin bao gồm: họ tên nghiên cứu sinh, ngành đào tạo, tên đề tài luận án dự kiến, người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn, đơn vị quản lý nghiên cứu sinh, thời gian đào tạo kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa cho nghiên cứu sinh.

2. Hồ sơ tuyển sinh phải được lưu giữ theo quy định của Viện (theo Thông tư 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016).

Chương III. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 12. Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo

1. Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy (quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này) tại các đơn vị của Viện và do Trung tâm Đào tạo hạt nhân tổ chức, trừ một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thí nghiệm hoặc đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện ở ngoài Viện.

2. Việc tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ được triển khai tại các đơn vị của Viện và do Trung tâm Đào tạo hạt nhân tổ chức. Đối với các nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ phải học các học phần chung và học phần chuyên đổi, bổ sung, Viện gửi nghiên cứu sinh học các học phần này tại một trong những cơ sở đào tạo đại học có mã ngành phù hợp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có thỏa thuận công nhận kết quả học tập lẫn nhau.

3. Viện được tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua

mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

4. Việc đánh giá và tính điểm học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ được áp dụng quy định về đánh giá và tính điểm học phần tại Điều 9 Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021, được chi rõ trong đề cương chi tiết môn học của chương trình khung đào tạo trình độ tiến sĩ do Viện phê duyệt.

5. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, thời gian nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh được bố trí trong thời gian quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

Điều 13. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Nghiên cứu sinh và người hướng dẫn được đề xuất với Viện thông qua Trung tâm Đào tạo hạt nhân về việc thay đổi đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn và chuyển đơn vị đào tạo khi có nhu cầu. Nghiên cứu sinh được quyền thay đổi tên đề tài trong vòng hai năm đầu tính từ thời điểm được công nhận nghiên cứu sinh. Việc thay đổi phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và bảo đảm thời gian đào tạo tuân thủ quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

2. Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi nghiên cứu sinh, người hướng dẫn đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy chế này, trong thời gian quy định tại các điểm a, b và c, khoản 6 Điều này và tên đề tài luận án có thể được thay đổi theo kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ đánh giá tổng thể luận án.

3. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng.

4. Việc chuyển cơ sở đào tạo (từ đơn vị khác ngoài Viện) được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của nghiên cứu sinh còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh và Viện có triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Viện trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh ở cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do Viện quyết định.

5. Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học trong những trường hợp sau:

a. Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định;

b. Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của nghiên cứu sinh hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;

c. Vi phạm quy định của Viện ở mức độ buộc thôi học.

6. Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập:

a. Nghiên cứu sinh được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu đã hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Trung tâm Đào tạo hạt nhân, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập trong thời gian quy định tại khoản 1 Điều 3;

b. Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn học tập theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy chế này. Nghiên cứu sinh được gia hạn tối đa hai lần, mỗi lần gia hạn là 12 tháng. Trong thời gian này, nghiên cứu sinh phải theo học tập trung liên tục tại Viện. Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại theo quy định tại Điều 27 của Quy chế này) thì Viện trưởng quyết định cho nghiên cứu sinh thôi học. Việc bảo lưu kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ được quy định tại khoản 7 Điều này;

c. Viện trưởng xem xét, quyết định cho phép nghiên cứu sinh được rút ngắn thời gian học tập nếu nghiên cứu sinh hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định khoản 2 Điều 3 của Quy chế này.

7. Kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

a. Nghiên cứu sinh bị thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo tiến sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành;

b. Nghiên cứu sinh chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo;

c. Nghiên cứu sinh đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là nghiên cứu sinh mới của Viện.

8. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của nghiên cứu sinh phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Tiểu ban chuyên môn và Hội đồng chuyên môn. Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là nghiên cứu sinh mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo. Thời gian bảo lưu kết quả học tập tối đa là 36 tháng tính từ thời điểm được Viện ra quyết định công nhận bảo lưu kết quả học tập. Quy định chi tiết về thời hạn bảo lưu, thành phần Hội đồng chuyên môn, quy trình thực hiện việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh được thực hiện theo đề xuất của Tiểu ban chuyên môn.

Chương IV. TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 14. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ, định mức giờ dạy của giảng viên

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ phải đáp ứng những tiêu chuẩn sau:

a. Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b. Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c. Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a. Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ hoặc tham gia hướng dẫn (là hướng dẫn

chính) 01 thạc sĩ hoặc 02 sinh viên tốt nghiệp đại học của một đơn vị giáo dục; hoặc chủ nhiệm ít nhất 02 đề tài cấp Cơ sở hoặc 01 đề tài cấp Bộ trở lên đã được nghiệm thu;

b. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính từ 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính).

3. Giảng viên giảng dạy toàn thời gian (cơ hữu) và giảng viên thỉnh giảng (văn bản hợp nhất 02/2013/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2013 quy định về chế độ thỉnh giảng trong các cơ sở giáo dục) thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và theo quy định pháp luật liên quan.

4. Định mức giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên toàn thời gian (cơ hữu), căn cứ Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 là 210 giờ chuẩn/năm học, trong đó, giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) phải đảm bảo tối thiểu 50% định mức quy định.

Điều 15. Tiêu chuẩn, quyền và trách nhiệm của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm ít nhất một trong các yêu cầu về kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a. Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do

các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b. Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế hay giải pháp hữu ích quốc gia hoặc quốc tế;

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Viện hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Viện theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Viện với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

4. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên giảng dạy và người hướng dẫn:

a. Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và theo quy định pháp luật liên quan;

b. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh;

c. Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh mới nếu trong vòng 06 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 02 nghiên cứu sinh có luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua, bao gồm cả việc đánh giá lại luận án quy định tại Điều 27 của Quy chế này (nếu có);

d. Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;

đ. Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, đề nghị đề luận án được đánh giá ở cấp Cơ sở và tại Hội đồng cấp Viện nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 20 của Quy chế này;

e. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 16. Quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 60, Điều 61 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn; thực hiện kế hoạch đã được người hướng dẫn và Trung tâm Đào tạo hạt nhân thông qua.

3. Định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu cho Trung tâm Đào tạo hạt nhân; đề xuất với người hướng dẫn và Trung tâm Đào tạo hạt nhân về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

4. Tham gia sinh hoạt khoa học tại các Tiểu ban chuyên môn như một nghiên cứu viên cơ hữu, do Trung tâm Đào tạo hạt nhân tổ chức và quản lý; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu theo phân công của người hướng dẫn, tham dự và có báo cáo khoa học trong các Hội nghị, Hội thảo khoa học chuyên ngành.

5. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm của Viện phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.

6. Đóng học phí theo quy định.

7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Quyền và trách nhiệm của Trung tâm Đào tạo hạt nhân, của lãnh đạo Trung tâm Đào tạo hạt nhân

1. Trung tâm Đào tạo hạt nhân: là đơn vị quản lý các hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện, có nhiệm vụ:

- a. Đề xuất các chỉ tiêu và các ngành tuyển sinh của Viện;
- b. Đề xuất các Trưởng tiểu ban chuyên môn;
- c. Quản lý hồ sơ, tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu, và làm luận án của nghiên cứu sinh;
- d. Tổ chức các hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh;
- e. Tổ chức các lớp học học phần tiến sĩ;

f. Triển khai đánh giá luận án của nghiên cứu sinh ở cấp Cơ sở; xem xét thông qua hoặc hoãn lại việc đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện trên cơ sở quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 21 của Quy chế này; tổ chức Hội đồng đánh giá cấp Viện;

g. Tổ chức rà soát và cập nhật hai năm một lần chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của các ngành được phép đào tạo theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

h. Rà soát, cập nhật và bổ sung quy chế quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

i. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu chi tiết hằng năm của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

j. Và các hoạt động khác liên quan đến công tác tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Giám đốc, phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo hạt nhân (gọi chung là lãnh đạo Trung tâm Đào tạo hạt nhân) được Viện trưởng bổ nhiệm, đáp ứng tiêu chuẩn giảng viên tại Điều 14 của Quy chế này, tham gia giảng dạy các học phần tiến sĩ theo các chuyên ngành phù hợp với chuyên môn, thực hiện quyền và trách nhiệm của giảng viên/người hướng dẫn nghiên cứu sinh, được tính định mức giờ chuẩn giảng dạy toàn thời gian tương đương cấp trường, phó khoa (có trên 40 hoặc dưới 40 giảng viên) theo quy định tại Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020.

Điều 18. Quyền và trách nhiệm của Trưởng tiểu ban chuyên môn

Trưởng tiểu ban chuyên môn là giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ trong Viện, đã được bổ nhiệm chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, được Viện trưởng giao nhiệm vụ, chịu trách nhiệm về các hoạt động chuyên môn trong đào tạo tiến sĩ, bao gồm:

1. Tham gia chủ trì sinh hoạt khoa học định kỳ cho nghiên cứu sinh;
2. Đề xuất các danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành có phân biệt độc lập mà nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu của mình, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 20 của Quy chế này; hướng dẫn, liên hệ và hỗ trợ nghiên cứu sinh gửi công bố kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước;

3. Chủ trì trong việc rà soát, cập nhật nội dung các khung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của chuyên ngành liên quan, chịu trách nhiệm về nội dung chuyên môn của khung chương trình đó;

4. Cùng với người hướng dẫn khoa học xác định các học phần bổ sung cần thiết cho nghiên cứu sinh có trình độ thạc sĩ chuyên ngành gần;

5. Tư vấn người hướng dẫn, phân công giảng viên dạy các học phần tiến sĩ;

6. Đề nghị Viện trưởng ra quyết định thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của nghiên cứu sinh;

7. Tham gia hội đồng tuyển sinh và các hội đồng đánh giá luận án của nghiên cứu sinh nếu cần/nếu có;

8. Quản lý đội ngũ giảng viên, phân bổ giờ dạy cho các giảng viên để hỗ trợ đào tạo đội ngũ Phó Giáo sư và Giáo sư; Định kỳ rà soát số lượng giảng viên trong tiêu ban để đảm bảo duy trì mã ngành hoặc mở mã ngành mới (nếu đủ điều kiện).

9. Cập nhật hàng năm về năng lực khoa học của Tiêu ban, về các hướng nghiên cứu có thể tiếp nhận nghiên cứu sinh, các đề tài cần nhận nghiên cứu sinh;

Điều 19. Quyền và trách nhiệm của Viện, của lãnh đạo Viện

1. Viện là cơ sở đào tạo trình độ tiến sĩ, có quyền và trách nhiệm như sau:

a. Ban hành và công bố công khai quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b. Phê duyệt kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của Viện theo từng chuyên ngành đào tạo và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c. Công bố công khai thông tin liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ trên trang thông tin điện tử của Viện và Trung tâm Đào tạo hạt nhân;

d. Tham gia thẩm định và ban hành các khung chương trình đào tạo các chuyên ngành được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép;

e. Tổ chức tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án của nghiên cứu sinh và quản lý quá trình đào tạo, cấp bằng tiến sĩ theo kế hoạch và các quy định hiện hành;

f. Ra các quyết định công nhận nghiên cứu sinh, giao đề tài và người hướng dẫn, tổ chức các hội đồng, công nhận học vị và các hoạt động khác liên quan đến hoạt động đào tạo nghiên cứu sinh của Viện;

g. Đảm bảo đủ các điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất cần thiết cho giảng viên, người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và các hội đồng đánh giá luận án (bao gồm cả nhiệm vụ sử dụng công cụ công nghệ thông tin để kiểm tra và rà soát việc sao chép luận án, chuyển kết quả cho Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện để Hội đồng xem xét, đánh giá, kết luận);

h. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học ở quy mô quốc gia và quốc tế, xuất bản các tạp chí nghiên cứu khoa học có phản biện của Viện;

i. Xây dựng chính sách cụ thể để thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

j. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

- Sau mỗi đợt tuyển sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tổ chức tuyển sinh và kết quả tuyển sinh kèm theo các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển (theo mẫu tại Điều 1.2);

- Vào tháng 12 hằng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ, cấp bằng tiến sĩ, chỉ tiêu và kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh từng ngành của năm tiếp theo (theo mẫu tại Điều 1.3);

- Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách trích ngang nghiên cứu sinh đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá bảo vệ luận án cấp Viện trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Điều 1.4);

- Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT - BGDDT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

2. Viện trưởng, phó Viện trưởng (gọi chung là lãnh đạo Viện), được Bộ Khoa học và công nghệ bổ nhiệm, đáp ứng tiêu chuẩn giảng viên tại Điều 14 của Quy chế này, tham gia giảng dạy các học phần tiến sĩ theo các chuyên ngành phù hợp với chuyên môn, thực hiện quyền và trách nhiệm của giảng viên/người hướng dẫn nghiên cứu sinh, được tính định mức giờ chuẩn giảng dạy toàn thời gian tương đương cấp Hiệu trưởng, Hiệu phó trường Đại học theo quy định tại Thông tư 20/2020/TT-BGDDT ngày 27/7/2020.

Chương V. LUẬN ÁN VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN, CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 20. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 2 của Quy chế này và quy định của thủ trưởng cơ sở đào tạo về khối lượng, hình thức, cách trình bày luận án, quy định trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo (tham khảo mẫu tại 0).

2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a. Trích dẫn đầy đủ và chi rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);

b. Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;

c. Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Điều 21. Đánh giá luận án ở cấp Cơ sở

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở cấp Cơ sở:

a) Đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ;

b) Có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá ở cấp Cơ sở;

c) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/ Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án;

d) Yêu cầu tại điểm c khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học,

công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

2. Việc đánh giá luận án ở cấp Cơ sở là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện; các thành viên của Tiểu ban chuyên môn, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

3. Việc đánh giá luận án ở cấp Cơ sở được thực hiện theo quy trình sau:

a. Phòng Đào tạo, Nghiên cứu và Triển khai thu nhận hồ sơ bảo vệ của nghiên cứu sinh. Hồ sơ gồm có:

- + Bản thảo luận án,
- + Bản thảo tóm tắt luận án,
- + Tập danh mục công trình khoa học của tác giả liên quan đến luận án,
- + Đơn xin bảo vệ,
- + Nhận xét của người hướng dẫn,
- + Văn bản đồng ý của các đồng tác giả cho sử dụng kết quả nghiên cứu,
- + Các văn bằng, chứng chỉ và các giấy tờ liên quan khác.

b. Viện trưởng ban hành quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở, đảm bảo các quy định sau:

Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở gồm 07 người, đạt tiêu chuẩn như người hướng dẫn chính, bao gồm Chủ tịch, Thư ký, 02 phản biện và các ủy viên.

c. Tổ chức đánh giá luận án cấp Cơ sở

- Phòng Đào tạo, Nghiên cứu và Triển khai gửi luận án, tóm tắt luận án và tập bản sao các bài báo/công bố khoa học của nghiên cứu sinh cho thành viên Hội đồng trước ngày tổ chức họp ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm nhận xét bằng văn bản về chất lượng luận án và gửi lại nhận xét.

- Phòng Đào tạo, Nghiên cứu và Triển khai liên hệ với Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở để thống nhất ngày bảo vệ, thông báo tới nghiên cứu sinh, gửi giấy mời tham dự tới các thành viên Hội đồng và các đơn vị, cá nhân liên quan.

Điều 22. Phân biện độc lập luận án

1. Phân biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của nghiên cứu sinh được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm nghiên cứu sinh hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi được thông qua ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở, Trung tâm Đào tạo hạt nhân phải hoàn thành quy trình phân biện độc lập cho nghiên cứu sinh; riêng trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phân biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

2. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến phân biện của 02 nhà khoa học hoặc chuyên gia ngoài Viện, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập (quy định tại Điều 14 về Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn nghiên cứu sinh). Người phân biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp tới nghiên cứu sinh và người hướng dẫn; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp nghiên cứu sinh về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình thực hiện luận án.

3. Việc phân biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Ý kiến kết luận của người phân biện độc lập đối với luận án phải ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về chuyên môn. Luận án được xác định là đạt quy trình phân biện độc lập khi được 02 người phân biện độc lập tán thành đưa ra bảo vệ ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Khi đó, nghiên cứu sinh sẽ chỉnh sửa, hoàn thiện luận án theo góp ý của các phân biện độc lập và giải trình các ý kiến này trước Hội đồng đánh giá cấp Viện để Hội đồng thông qua. Nếu có 01 người phân biện không đồng ý, Viện gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phân biện độc lập khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp 02 người phân biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án Viện yêu cầu nghiên cứu sinh và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phân biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phân biện độc lập lần thứ ba.

4. Thông tin về người phân biện độc lập được giữ kín đối với nghiên cứu sinh và người hướng dẫn. Người phân biện độc lập không tiếp xúc hoặc yêu cầu nghiên cứu sinh cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phân biện. Mọi liên hệ với người phân biện trong quá trình phân biện độc lập thuộc trách

nhiệm của Trung tâm Đào tạo hạt nhân. Những ý kiến giải trình của nghiên cứu sinh được gửi cho Trung tâm Đào tạo hạt nhân và trình bày tại buổi bảo vệ luận án.

5. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Viện.

6. Việc lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập được thực hiện theo Quy trình tại PHỤ LỤC V.

Điều 23. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện:

a. Luận án của nghiên cứu sinh được Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở đề nghị được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

b. Luận án của nghiên cứu sinh được các phản biện độc lập (quy định tại Điều 22 của Quy chế này) tán thành;

c. Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của nghiên cứu sinh và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

d. Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện gồm:

a. Toàn văn luận án;

b. Tóm tắt luận án;

c. Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

d. Trích yếu luận án bằng tiếng Anh và tiếng Việt;

e. Văn bản đồng ý của các đồng tác giả quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 20 Quy chế này (nếu có);

g. Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

h. Quyết định công nhận nghiên cứu sinh và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

i. Bản nhận xét của 02 phản biện độc lập kèm theo bản phúc đáp ý kiến phản biện độc lập riêng, có chữ ký của nghiên cứu sinh và cán bộ hướng dẫn;

j. Nghiên cứu sinh được khuyến khích gửi bản điện tử báo cáo toàn văn và báo cáo tóm tắt cho các thành viên Hội đồng.

Điều 24. Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện

Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo hạt nhân, Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Số lượng thành viên Hội đồng gồm 07 người, trong đó, số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 02 người; số thành viên ngoài Viện tối thiểu là 02 người.

2. Thành phần Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, các ủy viên phản biện và ủy viên khác, trong đó có 01 phản biện là người của Viện và 02 phản biện là người ngoài Viện; phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án, là giảng viên thỉnh giảng hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Viện; 01 người hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên.

3. Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 15 của Quy chế này.

4. Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng.

Điều 25. Đánh giá luận án ở cấp Viện

1. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của nghiên cứu sinh đạt quy trình phản biện độc lập, Trung tâm Đào tạo hạt nhân phải tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án.

2. Viện trưởng quy định thời hạn, điều kiện, trình tự, thủ tục tổ chức buổi đánh giá luận án ở cấp Viện đảm bảo những quy định sau:

a. Luận án phải được đánh giá công khai trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 26 của Quy chế này;

b. Toàn văn, tóm tắt, và trích yếu luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trung tâm Đào tạo hạt nhân ít nhất 30 ngày trước ngày bảo vệ trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 26 của Quy chế này; Thời gian và địa điểm tổ chức đánh giá luận án được đăng công khai trên báo Nhân Dân và website Trung tâm Đào tạo hạt nhân trước 10 ngày;

c. Không tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện trong trường hợp chủ tịch hoặc thư ký hoặc có từ 02 thành viên Hội đồng trở lên vắng mặt;

d. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành), luận án không được thông qua nếu có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi bảo vệ trở lên bỏ phiếu không tán thành;

e. Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ: kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lí do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có), kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh;

f. Biên bản buổi đánh giá luận án cấp Viện được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng.

2. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), Viện trưởng quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên có hiệu lực.

3. Việc bảo vệ theo hình thức trực tuyến tuân thủ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 26. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Viện trưởng phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo căn cứ xác định

tính chất mật của đề tài và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Viện trưởng chịu trách nhiệm về các quy định bảo mật trong quá trình tổ chức đào tạo, nghiên cứu, thực hiện luận án, tổ chức đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo quy chế bảo mật của Nhà nước.

3. Nghiên cứu sinh thực hiện các luận án được xác định là mật quy định tại khoản 1 Điều này không phải thực hiện quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 21 và điểm b, khoản 1 Điều 25 của Quy chế này.

4. Ngoài quy định tại khoản 3 Điều này, nghiên cứu sinh thực hiện luận án theo chế độ mật phải đảm bảo tất cả các quy định khác của Quy chế này.

Điều 27. Đánh giá lại luận án ở cấp Viện

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua ở lần đánh giá thứ nhất, nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án và đề nghị được bảo vệ luận án lần thứ hai trong thời gian không quá 6 tháng sau ngày bảo vệ lần thứ nhất.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện lần thứ hai phải có tối thiểu 03 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án.

3. Việc tổ chức đánh giá luận án cấp Viện lần thứ hai được thực hiện theo quy trình như lần đầu.

4. Không tổ chức đánh giá lại luận án lần thứ ba.

Điều 28. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

1. Nghiên cứu sinh được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a. Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án của Viện đồng ý thông qua;

b. Nghiên cứu sinh đã nộp cho Viện (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

c. Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký

của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và đóng dấu xác nhận của Viện/Trung tâm Đào tạo Hạt nhân;

d. Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu theo quy định; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định.

2. Viện đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của nghiên cứu sinh trên trang thông tin điện tử của Viện (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Viện tổ chức xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

4. Hồ sơ xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ.

Hồ sơ xét công nhận bao gồm:

a. Biên bản của buổi đánh giá luận án cấp Viện;

b. Quyết nghị đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

c. Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án;

d. Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn nghiên cứu sinh; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

e. Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;

f. Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 26 Quy chế này;

g. Các tài liệu khác theo quy định của Viện.

5. Quy trình xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

a. Phòng Đào tạo, Nghiên cứu và Triển khai hoàn thành tờ trình (theo mẫu quy định, gồm các thông tin liên quan đến quá trình đào tạo và bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh), có chữ ký xác nhận của chuyên viên phụ trách đào tạo, lãnh đạo Phòng;

b. Lãnh đạo Trung tâm Đào tạo hạt nhân cho ý kiến về việc xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ;

c. Lãnh đạo Viện phê duyệt tờ trình, ký quyết định công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ.

5. Viện thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

6. Viện tổ chức trao bằng tiến sĩ theo nghi lễ mỗi năm một lần vào cuối năm cho tất cả các nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo trong năm.

Chương VI. KIỂM TRA HỒ SƠ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, THẨM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Điều 29. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 30. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo

a. Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh có đầy đủ minh chứng về điều kiện dự tuyển;

b. Quyết định công nhận nghiên cứu sinh;

c. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện của nghiên cứu sinh quy định;

d. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh;

e. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án

a. Luận án tiến sĩ đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;

b. Tóm tắt luận án đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;

c. Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh theo quy định;

d. Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

Điều 31. Quy trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ sở đào tạo quy định tại điểm j, khoản 1 Điều 19 của Quy chế này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần thẩm định của cơ sở đào tạo và nội dung yêu cầu thẩm định cụ thể.

2. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của cơ sở đào tạo theo quy định tại Điều 30 của Quy chế này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiến hành thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

3. Quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi hồ sơ thẩm định đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án của Quy chế này.

4. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến đánh giá của 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có kinh nghiệm chuyên môn, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

a. Luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu tối thiểu hai trong ba ý kiến thẩm định luận án tán thành;

b. Trong trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định quy định tại điểm a khoản này hoặc có đơn thư tố cáo về nội dung và chất lượng luận án thì Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, uỷ quyền thủ trưởng cơ sở đào tạo nghiên cứu sinh tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 32. Hội đồng thẩm định luận án

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 03 thành viên chưa tham gia đánh giá luận án cấp Cơ sở, chưa là phản biện độc lập hoặc chưa là thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện; có các nhà khoa học tham gia thẩm định không tán thành luận án.

2. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

3. Hội đồng thẩm định luận án có chủ tịch, thư ký và các ủy viên.

4. Hội đồng chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có).

5. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: xem xét, đánh giá và quyết nghị về nội dung, chất lượng luận án hoặc làm rõ những nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo.

6. Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt trở lên không tán thành.

7. Trong trường hợp luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua, Viện trưởng tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 09 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

Điều 33. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 31 Quy chế này hoặc được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung, Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét, quyết định các điểm cần sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của người thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định.

2. Đối với luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua:

a. Trong trường hợp nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được phép sửa đổi, bổ sung và đề nghị đánh giá lại luận án theo quy định tại Điều 27 của Quy chế này;

b. Trong trường hợp nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ thì cơ sở đào tạo xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Quy chế này.

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện trưởng ủy quyền cho Trung tâm Đào tạo hạt nhân bổ sung hoàn thiện hồ sơ và giải trình.

4. Trong thời gian tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, Viện có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này với các minh chứng kèm theo.

Chương VII. KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 34. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nghiên cứu sinh có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 35. Thanh tra, kiểm tra

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của các cơ sở đào tạo theo quy định hiện hành.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án; cấp bằng tiến sĩ và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ sở đào tạo. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho cơ sở đào tạo.

Điều 36. Xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản yêu cầu Viện xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

2. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a. Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận nghiên cứu sinh,

b. Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nếu cắt bỏ những nội dung đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 20 của Quy chế này;

c. Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại khoản 7 Điều 32 Quy chế này.

3. Trong trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.



4. Việc xác định luận án vi phạm tại điểm b, khoản 2 Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định do Viện trưởng thành lập theo quy định tại Điều 27 của Quy chế này.

Chương VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Quy định thi hành

1. Quy chế này áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2022 trở đi.
2. Trong quá trình thực hiện, Quy chế này có thể được xem xét và sửa đổi cho phù hợp với thực tế, hoặc định kỳ sửa đổi khi có thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

VIỆN TRƯỞNG

Trần Chí Thành

PHỤ LỤC I. CÁC BIỂU MẪU DÀNH CHO NGHIÊN CỨU SINH

1. MẪU KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VNLNT ngày tháng năm 2022
của Viện trưởng Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam)

VIỆN NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ
VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO HẠT NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có) tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
	Các học phần về phương pháp nghiên cứu	...tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
	Luận án	đến ... tín chỉ	
Năm thứ 2	Luận án	đến ... tín chỉ	
Năm thứ 3	Luận án	đến ... tín chỉ	
....	

Lưu ý: phần in nghiêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Kế hoạch cụ thể của nghiên cứu sinh được xây dựng căn cứ vào quy định của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo tiến sĩ đã công bố.

2. MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

Kính gửi: Hội đồng Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam

Họ và tên:Giới tính:.....
 Ngày, tháng, năm sinh:.....Nơi sinh:.....
 Quê quán:
 Nơi ở hiện nay:
 Điện thoại/Email:.....
 Tốt nghiệp đại học năm: Xếp loại:
 Chuyên ngành:
 Tại trường:
 Bằng đại học thứ 2 (nếu có):
 Tốt nghiệp cao học năm:Xếp loại:.....
 Chuyên ngành:.....
 Tại trường:.....
 Cơ quan công tác:
 Thuộc đối tượng dự tuyển: Công chức,viên chức ¹, Thí sinh tự do
 Tôi làm đơn này đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh đợt..... năm.....
 Chuyên ngành: Mã số:
 Hình thức đào tạo: Tập trung

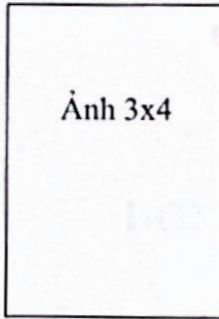
Tôi xin thực hiện đúng các quy định đối với nghiên cứu sinh, nếu trúng tuyển sẽ chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam, hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính cần thiết đối với Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam và Trung tâm Đào tạo hạt nhân theo quy định.

¹ Ghi chú: đánh dấu X vào ô thích hợp

....., ngày tháng năm

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

3. MẪU LÝ LỊCH KHOA HỌC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

1. Họ và tên :.....Giới tính:.....
2. Ngày,tháng, năm sinh:.....Nơi sinh:.....
3. Quê quán:.....Dân tộc:.....
4. Địa chỉ thường trú
5. Địa chỉ liên lạc
6. Điện thoại:..... Email:.....
7. Cơ quan công tác :

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học

- Ngành học:.....Chuyên ngành:.....
 Nơi đào tạo:Năm tốt nghiệp:
 Bằng đại học 2:Năm tốt nghiệp:

2. Thạc sĩ

- Ngành học.....Chuyên ngành:
 Nơi đào tạo:Năm cấp bằng:
 Tên đề tài luận văn:

3. Ngoại ngữ

- Tiếng:Trình độ:Ngày cấp:
 Trường cấp bằng/CC.....

4. MẪU ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

VIỆN NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ VIỆT NAM



HỌ VÀ TÊN NGƯỜI DỰ TUYỂN (in hoa đậm, Times New Roman 12)

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

Tên đề tài: (in hoa, đậm, Times New Roman 16)

HÀ NỘI – 202...

YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

Đề cương về dự định nghiên cứu cần phản ánh trí tuệ, những điểm mạnh và tích cực của người viết, trình bày bằng một văn phong trong sáng, rõ ràng, qua đó cung cấp một hình ảnh rõ nét về người dự tuyển, với những thông tin mới mẻ (không lặp lại những thông tin có thể thấy trong hồ sơ như kết quả học tập, nghiên cứu...).

- Bài luận báo cáo được trình bày 1 mặt trên khổ giấy A4, cỡ chữ 13 - 14, Times New Roman; Canh lề trên, dưới, phải 2.0cm và trái 3.0cm;
- Người dự tuyển trình bày báo cáo bằng power-point.

Bài luận gồm 03 nội dung chính sau đây:

I. Phần 1: Kinh nghiệm chuyên môn và kế hoạch học tập:

1. Lý do lựa chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu.
2. Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký đi học nghiên cứu sinh.
3. Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo (nơi thí sinh đăng ký dự tuyển).
4. Những dự định và kế hoạch để đạt được những mục tiêu mong muốn.
5. Kinh nghiệm của người dự tuyển: về nghiên cứu, về thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khóa khác; kiến thức, sự hiểu biết và những chuẩn bị của người dự tuyển trong vấn đề dự định nghiên cứu, phản ánh sự khác biệt của cá nhân người dự tuyển trong quá trình học tập trước đây và những kinh nghiệm đã có. Lý giải về những khiếm khuyết hay thiếu sót (nếu có) trong hồ sơ như kết quả học đại học, thạc sĩ chưa cao...
6. Dự kiến việc làm và các nghiên cứu tiếp theo sau khi tốt nghiệp.
7. Đề xuất người hướng dẫn (nếu có).

II. Phần 2: Giới thiệu khái quát đề tài nghiên cứu hay định hướng nghiên cứu của luận án tiến sĩ.

1. Tên đề tài/ định hướng đề tài nghiên cứu
2. Mục tiêu nghiên cứu của luận án
3. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài
4. Tóm tắt nội dung nghiên cứu luận án
5. Nơi thực hiện đề tài nghiên cứu của luận án

III. Phần 3. Các bài báo khoa học đã công bố: (các bài công bố trong 3 năm gần nhất)

Liệt kê danh mục bài báo theo năm đăng và ghi rõ thông tin từng bài: *Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, ...*, kèm bản sao bài báo đóng cùng quyển báo cáo.

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí, số của tạp chí, trang đang bài báo, năm xuất bản	Nơi đăng		Số hiệu (ISSN; ISBN, ..)	Ghi chú
		Trong nước	Quốc tế (tên nước)		

5. QUY ĐỊNH VỀ HÌNH THỨC VÀ CẤU TRÚC, CÁCH TRÌNH BÀY, VÀ BỐ CỤC LUẬN ÁN TIẾN SĨ

2.1 Hình thức của luận án tiến sĩ

Luận án được in trên một mặt giấy trắng khổ A4 (210 mm x 297 mm). Luận án được viết bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài sử dụng kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 13-14, mã UNICODE, dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3,5 cm; lề dưới 3,0 cm; lề trái 3,5 cm; lề phải 2 cm. Số trang được đánh ở giữa, phía dưới mỗi trang giấy. Phần công thức có thể được soạn thảo bằng các phần mềm tương ứng. Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang. Số trang của luận án từ 100-200 trang, không kể phụ lục.

2.2 Cấu trúc của luận án

Số chương của mỗi luận án tùy thuộc vào từng chuyên ngành và đề tài cụ thể. Nội dung và kết cấu của mỗi luận án thông thường bao gồm những phần sau:

- Lời cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án (theo mẫu).
- Lời cảm ơn.
- MỤC LỤC: Chi liệt kê các mục, tiêu mục tối đa là nhóm có 4 chữ số, không liệt kê các tiêu mục có nhóm từ 5 chữ số trở lên.
- MỞ ĐẦU: Trình bày lý do chọn đề tài, mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu.
- TỔNG QUAN: Phân tích, đánh giá các kết quả nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án; nêu những vấn đề còn tồn tại; chỉ ra những vấn đề mà đề tài luận án cần tập trung nghiên cứu, giải quyết.
- ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU: Trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận, giả thuyết khoa học và phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng trong luận án.
- KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN:
 - + Trình bày kết quả nghiên cứu.
 - + Bàn luận kết quả thu được. Phần bàn luận phải căn cứ vào các dẫn liệu khoa học thu được trong quá trình nghiên cứu của đề tài luận án và/hoặc đối chiếu với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác thông qua các tài liệu tham khảo.

- **KẾT LUẬN:** Trình bày ngắn gọn những kết quả chính của luận án, không có lời bàn và bình luận thêm.
- **KIẾN NGHỊ VỀ NHỮNG NGHIÊN CỨU TIẾP THEO** (nếu có).
- **DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN:** Liệt kê (theo trình tự thời gian công bố từ cũ đến mới) các công trình khoa học đã công bố của tác giả liên quan đến nội dung đề tài luận án.
- **TÀI LIỆU THAM KHẢO:** Danh mục các tài liệu tham khảo được trích dẫn trong luận án.
- **PHỤ LỤC.**

2.3 Mẫu trình bày luận án

MẪU BÌA LUẬN ÁN CÓ IN CHỮ NHỮ (khổ 210 mm × 297 mm)

MẪU BÌA MỀM DỰ THẢO LUẬN ÁN (khổ 210 mm × 297 mm)

LỜI CAM ĐOAN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

VIỆN NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ VIỆT NAM



HỌ VÀ TÊN NCS (in hoa đậm, Times New Roman 12)

Tên đề tài: (in hoa, đậm, Times New Roman 16)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

HÀ NỘI – 202...

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

VIỆN NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ VIỆT NAM

HỌ VÀ TÊN NCS (in hoa đậm, Times New Roman 12)

Tên đề tài: (in hoa, đậm, Times New Roman 18)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Chuyên ngành: (in thường, đậm, Times New Roman 14)

Mã số:

Người hướng dẫn khoa học:

1. Chức danh, tên GV1
2. Chức danh, tên GV2

LỜI CAM ĐOAN

Times New Roman 13

KẾT LUẬN KHOA NGHỊ

(Chữ in hoa Times New Roman 13)

NGŨNG ĐỒNG CỘP MỤC CẢ LUẬN AN

(Chữ in hoa Times New Roman 13)

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH BẢ CÔNG ĐỘ

(Chữ in hoa Times New Roman 13)

NGŨNG ĐỒNG CỘP MỤC CẢ LUẬN AN

(Chữ in hoa Times New Roman 13)

TẮT NHỎ CẢ

(Chữ in hoa Times New Roman 13)

Tác giả luận án

(ký và ghi rõ họ tên)

	Trang
Lời cam đoan	
Lời cảm ơn	
Mục lục	
Danh mục các ký hiệu và chữ viết tắt	
Danh mục các bảng	
Danh mục các hình vẽ, đồ thị	
MỞ ĐẦU	
Chương 1. TỔNG QUAN...	
1.1. ...	
1.2. ...	
Chương 2. ...	
2.1. ...	
2.1.1. ...	
2.1.2. ...	
2.2. ...	
...	
...	
Chương KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN	
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

Hình 1.1. Ví dụ về trang Mục lục của một luận án.

2.4 Mẫu bố cục trình bày chi tiết trong luận án

MỤC LỤC DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT DANH MỤC HÌNH, BẢNG MỞ ĐẦU

(Chữ thường, Times New Roman, 13)

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN

1.1. (Chữ in đậm, 14, Times New Roman)

1.1.1. (Chữ in đậm, nghiêng, 14, Times new Roman)

1.1.1.1. (Chữ thường, nghiêng, 14, Times New Roman)

(Chữ thường, Times New Roman, 13)

CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP THỰC NGHIỆM/ LÝ THUYẾT

2.1. (Chữ in đậm, 14, Times New Roman)

2.1.1. (Chữ in đậm, nghiêng, 14, Times new Roman)

2.1.1.1. (Chữ thường, nghiêng, 14, Times New Roman)

(Chữ thường, Times New Roman, 13)

CHƯƠNG KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

...1. (Chữ in đậm, 14, Times New Roman)

....1.1. (Chữ in đậm, nghiêng, 14, Times new Roman)

....1.1.1. (Chữ thường, nghiêng, 14, Times New Roman)

(Chữ thường, Times New Roman, 13)

Hình1. Tên hình (đặt ngay bên dưới hình, chữ thường, 12, Times New Roman, căn giữa)

Bảng1. Tên bảng (đặt ngay bên trên bảng, chữ thường, 12, Times New Roman, căn đều 2 bên)

KẾT LUẬN KIẾN NGHỊ

(Chữ thường, Times New Roman, 13)

NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

(Chữ thường, Times New Roman, 13)

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

(Chữ thường, Times New Roman, 13)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(Chữ thường, Times New Roman, 13)

Note:

1. *Luận án nghiên cứu sinh viết bằng tiếng Việt thì các bảng biểu, chú thích phải viết bằng tiếng Việt*
2. *Luận án nghiên cứu sinh viết bằng tiếng Anh thì các bảng biểu, chú thích phải viết bằng tiếng Anh*

PHỤ LỤC II. CÁC BIỂU MẪU DÀNH CHO ĐƠN VỊ QUẢN LÝ

1. MẪU ĐỀ ÁN TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ (Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VNLNT ngày tháng năm 20... của Viện trưởng Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam)

VIỆN NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ
VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO HẠT NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm... ..

ĐỀ ÁN

Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

- 1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo...
- 1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo cho đến thời điểm xây dựng đề án (số lượng ngành/chuyên ngành đào tạo, quy mô sinh viên, các kết quả nghiên cứu....)
- 1.3. Những thông tin cần thiết khác....

2. Các nội dung cụ thể của đề án

- 2.1. Đối tượng tuyển sinh
- 2.2. Phương thức tuyển sinh
- 2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành hoặc chuyên ngành
- 2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo: các hướng nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu đang triển khai, các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu...
- 2.5. Tổ chức tuyển sinh: thời gian và số lần tuyển sinh/năm
- 2.6. Chính sách ưu tiên: ưu tiên đối với các đối tượng theo quy định
- 2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính
- 2.8. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh theo các ngành hoặc chuyên ngành

3.3. Các dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước

3.4. Kiểm định chất lượng

3.5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác

4. Những thông tin cần thiết khác

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

(Kí tên và đóng dấu)

2. MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ TUYỂN SINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VNLNT ngày tháng năm 20...
của Viện trưởng Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam)

VIỆN NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ
VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO HẠT NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm.....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

BÁO CÁO TUYỂN SINH NGHIÊN CỨU SINH NĂM

Nội dung:

1. Tổng hợp đăng ký dự tuyển
2. Công tác tổ chức tuyển sinh
3. Đánh giá chung về công tác tuyển sinh và những đề xuất, kiến nghị (nếu có)

Kèm theo:

Các quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

**4. MẪU BÁO CÁO DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH BẢO VỆ
THÀNH CÔNG LUẬN ÁN CÁC THÁNG TRONG NĂM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VNLNT ngày tháng năm 20...
của Viện trưởng Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam)

VIỆN NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO HẠT NHÂN

Hà Nội, ngày tháng năm....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

(Tháng năm)

Stt	Họ và tên NCS	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Tên đề tài	Ngành, mã số	Ngày bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá của cấp Viện	Kết quả đánh giá	Ghi chú

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

(Kí tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC III. BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VNLNT ngày tháng năm 20... của Viện trưởng Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam)

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

PHỤ LỤC IV. QUY TRÌNH XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH TẠI TIỂU BAN CHUYÊN MÔN

Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh tiến hành các công việc sau:

1. Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong thư giới thiệu.

2. Thí sinh trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh. Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu chuyên môn đang thực hiện trong Viện, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng đối với các mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh. Tiểu ban chuyên môn phải có văn bản nhận xét, đánh giá phân loại thí sinh về các nội dung này.

3. Tiểu ban chuyên môn đánh giá hồ sơ của người dự kiến hướng dẫn nghiên cứu sinh căn cứ tiêu chuẩn quy định về người hướng dẫn trong Điều 15 của Quy chế này, và có kết luận trong văn bản (mẫu đánh giá do Trung tâm Đào tạo hạt nhân chuẩn bị).

4. Căn cứ các yêu cầu đánh giá, tiểu ban chuyên môn xây dựng thang điểm đánh giá, tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

PHỤ LỤC V. QUY TRÌNH LỰA CHỌN, GỬI LẤY Ý KIẾN VÀ XỬ LÝ Ý KIẾN PHẢN BIỆN ĐỘC LẬP

1. Sau thời gian không quá 03 tháng chỉnh sửa luận án tính từ ngày họp Hội đồng đánh giá cấp Cơ sở, nghiên cứu sinh nộp hồ sơ để thực hiện quy trình phản biện độc lập, hồ sơ gồm có:

- 03 bản luận án,

- 03 bản tóm tắt luận án,

- 03 tập danh mục công trình khoa học liên quan đến luận án (02 trong 03 bản đã xóa tên nghiên cứu sinh, tên người hướng dẫn);

2. Trưởng phòng Đào tạo, Nghiên cứu và Triển khai làm tờ trình đề xuất danh sách 04 phản biện độc lập, trình lãnh đạo Trung tâm Đào tạo hạt nhân để duyệt danh sách chọn ra 02 phản biện độc lập;

3. Phòng Đào tạo, Nghiên cứu và Triển khai liên hệ với phản biện độc lập và gửi hồ sơ cho phản biện độc lập bao gồm:

- Hồ sơ luận án,

- Tuyển tập các công trình công bố,

- Thư mời đọc,

- Hướng dẫn viết nhận xét phản biện độc lập,

- Giấy biên nhận.

Thời hạn trong thư mời không quá 03 tháng. Khi hết thời hạn đọc phản biện độc lập, Phòng Đào tạo, Nghiên cứu và Triển khai liên hệ với phản biện độc lập để lấy bản nhận xét.